

Số: /KH-UBND

Sơn La, ngày tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La

Thực hiện Nghị quyết số 247/2025/QH15 về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Nhằm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, kịp thời, thống nhất và hiệu quả để triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 247/2025/QH15). Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 103/TTr-SNNMT ngày 30/01/2026. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai nghiêm túc, có chất lượng và hiệu quả Nghị quyết số 247/2025/QH15 nhằm tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bám sát các nội dung của Nghị quyết số 247/2025/QH15 để xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp, đảm bảo việc thực hiện Nghị quyết hiệu quả, chất lượng và đạt được mục tiêu đã được Quốc hội thông qua.

3. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân về công tác bảo vệ môi trường; tăng cường công tác phối hợp trong tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 247/2025/QH15 trên phạm vi toàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ và giải pháp đột phá

1.1. Đổi mới tư duy và hoàn thiện thể chế chính sách về bảo vệ môi trường và tổ chức thực thi quyết liệt, hiệu lực, hiệu quả

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm xuyên suốt trong tư duy, tầm nhìn và định hướng phát triển bền vững của tỉnh; thống nhất trong nhận thức và hành động coi chi cho môi trường là đầu tư cho phát triển, bảo đảm an ninh môi trường; loại bỏ quan điểm “Bảo vệ môi trường sẽ làm cản trở tăng trưởng kinh tế”; tiếp tục hoàn thiện nhóm chỉ tiêu về môi trường, trong đó chú trọng cơ chế giao chỉ tiêu thực hiện cụ thể cho các địa phương gắn với cơ chế đánh giá trách nhiệm hoàn thành của người đứng đầu.

- Xây dựng và ban hành các kế hoạch, chương trình chuyên đề triển khai Luật Bảo vệ môi trường, trong đó xác định rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cấp, khắc phục tình trạng giao nhiệm vụ chung chung, thiếu kiểm soát; thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, coi chất thải là tài nguyên và được quản lý trên môi trường số; chủ động xây dựng thể chế để thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Áp dụng nguyên tắc “Người được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; người gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý”.

- Tiếp tục đẩy mạnh phương thức quản lý nhà nước từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với xây dựng các quy chuẩn để quản lý và tăng cường kiểm tra, giám sát; cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nghiên cứu phân cấp, phân quyền cho UBND cấp xã theo nguyên tắc “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

1.2. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho bảo vệ môi trường

- Chú trọng đầu tư phát triển các công trình bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên nguồn lực từ ngân sách và nguồn lực xã hội hóa cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các công trình hạ tầng môi trường thiết yếu như: hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị; hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải phù hợp cho từng loại rác, các nhà máy tái chế, xử lý rác thải hữu cơ, chất thải nguy hại; cải thiện và phục hồi môi trường các lưu vực sông; thích ứng với biến đổi khí hậu; hỗ trợ hoạt động chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, đề xuất vận hành thị trường các-bon; phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, công nghệ mới không phát thải, công nghệ lưu trữ năng lượng, thu giữ và sử dụng các-bon thông qua các cơ chế tài chính linh hoạt (*như đầu tư công hoặc hợp tác công tư...*); có cơ chế, chính sách đặc thù trong việc đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Bố trí ngân sách Nhà nước tăng dần trong từng giai đoạn, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; rà soát, nghiên cứu cơ cấu lại các nhiệm vụ chi ngân sách cho bảo vệ môi trường theo hướng trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Phát huy vai trò của các quỹ bảo vệ môi trường, huy động nguồn lực tư nhân thông qua các công cụ tài chính xanh để triển khai các dự án đầu tư xanh, dự án bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính; chú trọng đổi mới hình thức, phương thức ưu đãi, hỗ trợ, cơ chế bảo lãnh rủi ro cho các dự án đầu tư xanh, dự án bảo vệ môi trường và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị phù hợp với nhu cầu thực tế của tỉnh.

- Khuyến khích phát triển các dự án tạo tín chỉ các-bon trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, lâm nghiệp, nông nghiệp các-bon thấp, xử lý chất thải, công nghiệp xanh, giao thông xanh, các công nghệ thu hồi, lưu giữ các-bon. Thúc đẩy đầu tư theo phương thức đối tác công tư, phát triển các mô hình hợp tác đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích các phong trào tự nguyện, mô hình điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư; thực hiện cơ chế

huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, người dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các bên liên quan thực hiện công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm đơn giản, hiệu quả, thiết thực và có tính lan tỏa cao; hình thành thói quen, văn hóa môi trường trong xã hội.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; ứng dụng chuyển đổi số trong bảo vệ môi trường; Xây dựng đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon, kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính, triển khai giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; phòng ngừa, giảm thiểu tác động môi trường, ô nhiễm môi trường, quan trắc và cảnh báo môi trường. Thực hiện các giải pháp, cơ chế đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao tham gia công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.3. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là trong quản lý chất thải, kiểm soát nguồn thải, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình không phụ thuộc vào địa giới hành chính và cấp phép điện tử. Trước mắt, tập trung vận hành các cơ sở dữ liệu môi trường thường xuyên và rà soát tích hợp vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia khi Hệ thống đi vào vận hành chính thức; thúc đẩy ứng dụng, tích hợp công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong cung cấp thông tin, tương tác trực tuyến về môi trường.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ chiến lược trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung vào: giám sát, đánh giá, phân tích và cảnh báo môi trường; tái chế, xử lý chất thải; cải tạo, phục hồi môi trường và bảo tồn hệ sinh thái; phát triển năng lượng sạch, giảm phát thải các-bon; Triển khai thực hiện Quyết định số 1894/QĐ-TTg ngày 04/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Tiếp tục xây dựng và triển khai Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon rừng; Thực hiện việc kiểm kê phát thải thực hiện đóng góp giảm phát thải cho NDC Quốc gia và trên cơ sở đó có cơ sở trao đổi tín chỉ các-bon rừng trong nước và quốc tế để phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương.

- Xây dựng và nhân rộng các giải pháp, mô hình đô thị sinh thái thông minh, giao thông thông minh và quản lý năng lượng thông minh.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nguồn lực ngân sách nhà nước phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tổng hợp khi tính tỷ lệ % tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm.

- Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào tỉnh, thông qua đó thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ, tiếp nhận và làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nguồn về bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, hoàn thành đến hết năm 2026

2.1. Tổ chức rà soát toàn diện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến bảo vệ môi trường để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh những nội dung không còn phù hợp, chồng chéo, thiếu tính khả thi.

2.2. Rà soát, đánh giá và cập nhật, điều chỉnh trong trường hợp cần thiết các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu để đáp ứng yêu cầu “mở rộng và kiến tạo không gian phát triển mới”.

2.3. Triển khai hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường; Công văn số 1012/TTg-NN ngày 21/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương triển khai các biện pháp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm môi trường. Đồng thời thực hiện các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm không khí trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu đề xuất xây dựng ban hành Kế hoạch quản lý môi trường nước mặt theo quy định tại Điều 9 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.4. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn thực hiện đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính của các ngành, lĩnh vực đối với các cơ sở, doanh nghiệp; rà soát, cập nhật kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính cho từng ngành, lĩnh vực phù hợp với Đóng góp do quốc gia tự quyết định giai đoạn 2026 - 2035.

2.5. Rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon rừng tại tỉnh Sơn La sau khi Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành các quy định pháp lý có liên quan.

3. Nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030 và các năm tiếp theo

3.1. Phòng ngừa, kiểm soát và ngăn chặn từ sớm, từ xa các nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường; dự báo sớm tác động của biến đổi khí hậu

- Nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm về môi trường và tác động của biến đổi khí hậu nhằm chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường, hạn chế tác động xấu đối với môi trường và sức khỏe con người; kiểm soát lượng phát thải khí nhà kính, cung cấp dữ liệu kịp thời cho công tác hoạch định chính sách.

- Kiểm soát chặt chẽ các yêu cầu về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các dự án đầu tư từ khâu phê duyệt dự án thông qua hoạt động thẩm định đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường; nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định, đánh giá công nghệ sản xuất để kiểm soát, ngăn chặn hiệu quả việc nhập khẩu công nghệ cũ, lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng thực hiện giám sát chặt chẽ đối với các cơ sở thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Cung cấp thông tin số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành gửi các Bộ, ngành có liên quan; kiểm tra việc thực hiện hoạt động có liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn quản lý.

3.2. Khắc phục, cải thiện chất lượng môi trường có trọng tâm, trọng điểm

- Nghiên cứu ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đặt biệt nghiêm trọng theo quy định, trong đó tập trung vào các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh, khu vực đất bị ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, ô nhiễm chất độc hóa học, hóa chất tồn lưu do chiến tranh để lại (nếu có);

- Triển khai hiệu quả kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt; Tăng cường thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn trên 50% đối với đô thị loại II trở lên, trên 20% đối với đô thị còn lại.

- Kiểm soát chặt chẽ khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; hạn chế phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường không khí tại các đô thị lớn theo phân vùng môi trường; thực hiện lộ trình chuyển đổi xanh phù hợp trong hoạt động giao thông vận tải gắn với đầu tư hạ tầng và các cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội; có biện pháp loại bỏ phương tiện cơ giới không đủ tiêu chuẩn lưu hành gây ô nhiễm môi trường. Quản lý chặt chẽ chất thải phát sinh từ hoạt động giao thông, xây dựng, đặc biệt tại các đô thị và hoạt động đốt phụ phẩm nông nghiệp. Phấn đấu duy trì kiểm soát chất lượng môi trường không khí, không để gia tăng mức độ ô nhiễm.

3.3. Tăng cường hiệu quả quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thực hiện nghiêm quy định về thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân phù hợp với điều kiện, hạ tầng kỹ thuật của tỉnh; đẩy mạnh thu hồi chất thải có khả năng tái chế; Xây dựng lộ trình chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tiên tiến, thân thiện với môi trường, ưu tiên tái chế, xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng thay cho chôn lấp trong quy hoạch tỉnh. Tập trung cải tạo, nâng cấp và xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm do chất thải gây ra. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 98%, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom đạt trên 90%; 100% khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh có khu vực phân loại, lưu giữ, xử lý riêng chất thải nhựa...

- Quản lý chặt chẽ, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp, đặc biệt là chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát.

- Đẩy mạnh mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình tập trung hoặc theo cụm đối với chất thải y tế lây nhiễm; hạch toán và tính đúng, tính đủ các chi phí quản lý chất thải y tế vào chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

- Phát triển ngành công nghiệp tái chế, khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn để góp phần thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường. Thúc đẩy các mô hình hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, liên minh tái chế, các mô

hình liên kết vùng, liên kết đô thị với nông thôn và các mô hình khác nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Phát triển và nhân rộng mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh và nông nghiệp hữu cơ; chuyển đổi cách tiếp cận từ nông nghiệp nâu sang nông nghiệp xanh; thúc đẩy ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi và xử lý chất thải.

3.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác ứng phó với biến đổi khí hậu

Tiếp tục thực hiện các nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định tại khoản 4 Điều 90 của Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Nâng cao hiệu quả tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường, tập trung đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề; nâng cao chế tài xử lý, bảo đảm tính răn đe, ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tập trung xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp về môi trường ngay từ cơ sở. Chú trọng thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự nhằm yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường khi xảy ra sự cố gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

3.6. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải; thực hiện công khai thông tin về môi trường nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng, người dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, tổ chức xã hội vào công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào các chương trình giáo dục môi trường bảo đảm thiết thực, trực quan trong các cấp học và hoạt động ngoại khóa để nâng cao nhận thức cho các thế hệ trẻ từ cấp mầm non trở lên.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, cộng đồng dân cư trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý các vi phạm về môi trường. Phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; gắn tiêu chí môi trường với các phong trào toàn dân bảo vệ môi trường.

3.7. Tăng cường nguồn lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp gắn với đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các lực lượng khác làm việc trong lĩnh vực môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là đội ngũ cán

bộ, công chức, viên chức cấp xã và các điều kiện bảo đảm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong giai đoạn hiện nay.

- Hình thành, kiện toàn bộ phận tham mưu, bố trí cán bộ chuyên trách về bảo vệ môi trường tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ trong các doanh nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và trưởng các đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng quản lý của sở, ngành và địa phương chủ động, tích cực triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung theo Kế hoạch; tham mưu ban hành hoặc ban hành kế hoạch triển khai chương trình, đề án, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; tổ chức quán triệt, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Kế hoạch này; Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) trước **ngày 15/12** hàng năm, hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tiếp nhận, tổng hợp và dự thảo báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch để UBND tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước **ngày 31/12** hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo và tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết những khó khăn, bất cập, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Giao Sở Tài chính: Căn cứ đề xuất của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã và đơn vị liên quan, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường nghiên cứu, tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Đài phát thanh truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Hiệu 12 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công